

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ ĐIỆN BIÊN**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 267 /QĐ-TrCDN ngày 22/6/2017
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nghề Điện Biên)*

Điện Biên, Năm 2020

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

Tên ngành, nghề: Công tác xã hội

Mã ngành, nghề: 6760101

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nhân lực nghề Công tác Xã hội trực tiếp cho các cơ quan, tổ chức, đoàn thể xã hội với trình độ đào tạo tương đương; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Sinh viên được cung cấp các kiến thức về Chính trị, Pháp luật, Xã hội học làm cơ sở thực hành nghề. Các kiến thức về nghề nghiệp công tác xã hội, công tác xã hội với cá nhân, nhóm và cộng đồng, kiến thức về chính sách an sinh xã hội với các nhóm đối tượng đặc thù;
- Được trang bị các kiến thức về tổ chức các hoạt động văn hóa, tổ chức huy động nguồn lực; kiến thức về giao tiếp, thương thuyết, vận động;
- Nắm chắc hệ thống lý thuyết về hành vi con người, về hệ thống, lý thuyết tâm lý ứng dụng trong giải quyết vấn đề của đối tượng;
- Nắm vững kiến thức tham vấn, trị liệu tâm lý; kiến thức quản trị công tác xã hội;
- Được trang bị kiến thức về nghiên cứu trong công tác xã hội;
- Sử dụng tiếng Anh chuyên ngành để tham khảo tài liệu và giao tiếp với người nước ngoài;

- Ứng dụng thành thạo tin học trong công việc văn phòng và biết tìm kiếm, xử lý thông tin trên Internet phục vụ công việc chuyên môn.

1.2.2. Kỹ năng

- Vận dụng tốt và linh hoạt các kỹ năng lắng nghe tích cực, đặt câu hỏi, kỹ năng phỏng vấn, tham vấn, trợ giúp đối tượng;
- Thành thạo kỹ năng truyền thông vận động, kỹ năng giám sát, đánh giá, thu thập thông tin;
- Có khả năng kiểm tra và giám sát việc thực hiện công việc của người có trình độ trung cấp nghề công tác xã hội, những tình nguyện viên ở cơ sở;
- Tổ chức được các chương trình hỗ trợ đối tượng;
- Vận dụng tốt kỹ năng giải quyết xung đột trong nhóm và gia đình;
- Thực hiện tốt kỹ năng thương thuyết;
- Thực hiện tốt kỹ năng trị liệu tâm lý;
- Thực hiện tốt kỹ năng xử lý khủng hoảng;
- Thực hiện tốt kỹ năng quản trị trong công tác xã hội;
- Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có kiến thức và kỹ năng cơ bản làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Có đủ năng lực hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Có khả năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Làm việc tại các cơ sở xã hội, bảo trợ xã hội; các tổ chức thuộc lĩnh vực an sinh xã hội; lĩnh vực có liên quan như y tế, pháp luật, văn hóa, truyền thông cũng như các cơ quan, tổ chức, đoàn thể xã hội; tổ chức Chính phủ, tổ chức Phi Chính phủ.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 32
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 117,5 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2.395 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 682 giờ; thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.594 giờ.

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I.	Các môn học chung	20	435	157	255	23
MH 01	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Tiếng Anh	5	120	42	72	6
II.	Các môn học, mô đun chuyên môn	97,5	2.395	682	1.594	119
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	27	540	247	268	25
MH 07	An toàn lao động	2	30	20	8	2
MH 08	Khởi nghiệp và TCQLSX	3	45	32	10	3
MH 09	Xã hội học	3	60	30	27	3
MH 10	Thống kê xã hội	3	60	30	28	2
MĐ 11	Kỹ năng giao tiếp	2	45	15	28	2
MĐ 12	Kỹ năng sống	2	45	15	28	2
MH 13	Luật pháp về các vấn đề xã hội	2	45	15	28	2
MH 14	Chính sách xã hội	4	90	30	57	3
MH 15	Hành vi con người và môi trường	3	60	30	26	4

MH 16	Nhập môn Công tác xã hội	3	60	30	28	2
II.2	<i>Môn học, mô đun chuyên môn</i>	65,5	1735	395	1252	88
MĐ17	Công tác xã hội cá nhân và nhóm	6,5	120	75	40	5
MĐ18	Thực hành công tác xã hội cá nhân và nhóm	8	165	15	142	8
MH19	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2,5	60	20	37	3
MĐ 20	Truyền thông và vận động xã hội	2,5	60	20	37	3
MĐ 21	Phát triển cộng đồng	8	180	60	114	6
MĐ 22	Tham vấn	5	90	35	50	5
MH 23	Quản trị công tác xã hội	2,5	60	20	37	3
MĐ 24	Công tác xã hội với trẻ em	3,5	75	30	42	3
MĐ 25	Công tác xã hội với người cao tuổi	2,5	60	20	37	3
MĐ 26	Công tác xã hội với người khuyết tật	2,5	60	20	37	3
MĐ 27	Công tác xã hội với người nghèo	2,5	60	20	37	3
MĐ 28	Công tác xã hội với người có và bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	3,5	75	30	42	3
MĐ 29	Thực tập sản xuất	9,5	400	15	365	20
MĐ 30	Thực tập tốt nghiệp	6,5	270	15	235	20
II.3	<i>Môn học, mô đun tự chọn (Chọn 2 trong số các mô đun sau)</i>	5	120	40	74	6
MĐ 31	CTXH với hành vi lệch chuẩn	2,5	60	20	37	3
MĐ 32	Công tác xã hội bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình	2,5	60	20	37	3
MĐ 33	Quản lý chương trình dân số, sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình	2,5	60	20	37	3
Tổng cộng		117,5	2.830	839	1.849	142